TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 7 - 2022
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thanh Rực**.

2. Ông **Thạch Thanh Tâm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hiệp Văn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Bà **Dương Thị Ngọc Bích** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Mộng Đ**, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Số nhà A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Hà Văn S**, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Ấp M, xã L, huyện D, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Mộng Đ trình bày:***

Nguyên vào năm 2000, bà Trần Thị Mộng Đ cùng ông Hà Văn S tự nguyện kết hôn, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01, ngày 10/02/2011. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai người con chung tên Hà Thanh T, sinh ngày 29/4/2010 và Hà Trọng K, sinh ngày 15/9/2011 đang sống cùng với bà Trần Thị Mộng Đ. Đến tháng 10 năm 2020, vợ chồng bà Trần Thị Mộng Đ, ông Hà Văn S bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến

nay. Bà Trần Thị Mộng Đ xác định vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Nay Bà Trần Thị Mộng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Mộng Đ yêu cầu được ly hôn với ông Hà Văn S.

- Về con chung: Bà Trần Thị Mộng Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hà Thanh T, sinh ngày 29/4/2010 và Hà Trọng K, sinh ngày 15/9/2011 đến khi thành niên và không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mộng Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Mộng Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Trần Thị Mộng Đ đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Mộng Đ (bản sao đối chiếu);

+ Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Trần Văn Đến (bản sao đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Phú cấp ngày 10/02/2021;

+ Bản sao chứng thực Giấy khai sinh mang tên Hà Thanh T, sinh ngày 29/4/2010 và Hà Trọng K, sinh ngày 15/9/2011;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Hà Văn S. Nhưng ông Hà Văn S thường xuyên không có mặt tại nhà và được ông Hà Văn N và bà Trần Thị L là cha mẹ ruột, ngụ cùng địa chỉ nhận thay các văn bản tố tụng. Do đó việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Hà Văn S không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu Hà Thanh T, sinh ngày 29/4/2010 và Hà Trọng K, sinh ngày 15/9/2011 để xem xét nguyện vọng: Cháu Hà Thanh T, sinh ngày 29/4/2010 và Hà Trọng K, sinh ngày 15/9/2011 có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Trần Thị Mộng Đ trong trường hợp cha mẹ ly hôn.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 28/02/2022, bà Trần Thị Mộng Đ có văn bản yêu cầu vắng mặt xét xử.

Trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bà Trần Thị Mộng Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Hà Văn S và không thể có mặt được vì đang bận công việc. Bên cạnh đó, giữa bà và bị đơn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Mộng Đ vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông Hà Văn S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Trần Thị Mộng Đ và ông Hà Văn S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Mộng Đ cho vợ chồng bà Trần Thị Mộng Đ ông Hà Văn S ly hôn. Về con chung giao cho bà Trần Thị Mộng Đ trực tiếp nuôi dưỡng và ông Hà Văn S không phải phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung bà Trần Thị Mộng Đ xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Trần Thị Mộng Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 07/02/2022, bà Trần Thị Mộng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hà Văn S có nơi cư trú tại Ấp M, xã L, huyện D, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị Mộng Đ vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Hà Văn S vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn bà Trần Thị Mộng Đ về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2000, bà Trần Thị Mộng Đ cùng ông Hà Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tiến hành thủ tục đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển 01 ngày 10/02/2011. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Mộng Đ và ông Hà Văn S là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Trần Thị Mộng Đ: Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bên gia đình bà Trần Thị Mộng Đ tại ấp Mười Chiến, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đến cuối năm 2019 thì ông Hồng tự ý bỏ về nhà của cha mẹ ruột tại Ấp M, xã L, huyện D và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy những nội dung này đã được gửi trực tiếp cho ông

Hà Văn S nhận sau khi thụ lý vụ án. Tuy nhiên ông Hà Văn S không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Trần Thị Mộng Đ đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân do ông Hà Văn S bỏ về sống bên gia đình tại ấp M, xã L từ cuối năm 2019 cho đến nay. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng cho bà Trần Thị Mộng Đ ông Hà Văn S hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông Hà Văn S đều vắng mặt. Việc này đã thể hiện việc cho ông Hà Văn S không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Trần Thị Mộng Đ. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mộng Đ cho bà Trần Thị Mộng Đ được ly hôn với cho ông Hà Văn S.

[3.5] Về thời điểm chấm dứt hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật hôn nhân dân đình quy định "Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật". Do đó quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển 01 do Ủy ban nhân dân xã L cấp ngày 10/02/2011 của bà Trần Thị Mộng Đ và ông Hà Văn S sẽ chấm dứt khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3.6] Về con chung: Bà Trần Thị Mộng Đ xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Trần Thị Mộng Đ và ông Hà Văn S có hai người con chung tên Hà Thanh T, sinh ngày 29/4/2010 và Hà Trọng K, sinh ngày 15/9/2011. Hiện nay con chung do bà Trần Thị Mộng Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh mang tên Hà Thanh T, sinh ngày 29/4/2010 và Hà Trọng K, sinh ngày 15/9/2011 thể hiện là con chung của bà Trần Thị Mộng Đ, ông Hà Văn S.

[3.7] Xét ý kiến của bà Trần Thị Mộng Đ về việc bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hà Thanh T, sinh ngày 29/4/2010 và Hà Trọng K, sinh ngày 15/9/2011 hiện nay đang được bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, qua ý kiến trình bày nguyện vọng của cháu Hà Thanh T, sinh ngày 29/4/2010 và Hà Trọng K, sinh ngày 15/9/2011 có nguyện vọng sống cùng với mẹ là bà Trần Thị Mộng Đ khi cha mẹ ly hôn. Ông Hà Văn S cũng không có ý kiến gì về việc này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Hà Thanh T, sinh ngày 29/4/2010 và Hà Trọng K, sinh ngày 15/9/2011 cho bà Trần Thị Mộng Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.8] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Mộng Đ xác định hiện tại có nguồn thu nhập ổn định nên đảm bảo cho việc nuôi và không cần ông Hà Văn S phải cấp dưỡng cho con chung và không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.9] Bên cạnh đó ông Hà Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mộng Đ xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Trần Thị Mộng Đ xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Trần Thị Mộng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Trần Thị Mộng Đ, ông Hà Văn S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mộng Đ.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mộng Đ được ly hôn với ông Hà Văn S. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Mộng Đ ông Hà Văn S theo giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển 01 do Ủy ban nhân dân xã L cấp ngày 10/02/2011 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Hà Thanh T, sinh ngày 29/4/2010 và Hà Trọng K, sinh ngày 15/9/2011 (hiện nay con chung đang sống chung với bà Trần Thị Mộng Đ) cho bà Trần Thị Mộng Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Hà Văn S không phải cấp dưỡng cho con. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Hà Văn S mà không ai được cản trở. Bà Trần Thị Mộng Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Hà Văn S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mộng Đ xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Trần Thị Mộng Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Mộng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003318, ngày 07/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Như

vậy bà Trần Thị Mộng Đ đã thực hiện xong). Ông Hà Văn S không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Mộng Đ và ông Hà Văn S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thái Ngọc